TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 864/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn T, sinh năm: 1972; hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khu phố 3, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn N, sinh năm: 1973; hộ khẩu thường trú: Tổ 10, khu phố 3, phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn N chung sống từ năm 2001, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, thị xã M (nay là phường H, thành phố M), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01, cấp ngày 26/12/2001, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, ông N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Đầu năm 2022, bà T có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, sau đó bà T rút đơn về để hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả. Nay tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông N.

Về con chung: Con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 28/6/1992 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn N đã được tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông N không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do. Ông N cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thuý.

3. Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C có ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và tham gia phiên tòa nhưng ông N đều vắng mặt; việc vắng mặt của ông N không vì lý do bất khả kháng. Nguyên đơn bà Nguyễn T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông N tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, thị xã M (nay là phường H, thành phố M), tỉnh Bình Dương. Hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà T trình bày, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông Thành có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông N để trả tự do cho nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập ông N đến Toà án để hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Thành không chấp hành theo giấy triệu tập,

không có mặt tại Toà án. Qua đó cho thấy ông N không có thiện chí hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Điều này cũng cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà T, ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận cho bà T ly hôn với ông N.

[2.2] Về con chung: Con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 28/6/1992 đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà T yêu cầu ly hôn với ông N, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch. Theo khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn T với bị đơn ông Nguyễn N về việc: “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T và ông Nguyễn N được ly hôn.

- Về con chung: Con chung tên Nguyễn L, sinh ngày 28/6/1992 đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm án phí số AA/2021/0000959 ngày 12/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân